

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN  
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 8**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Phí và Lệ phí;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*

*hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Xét Tờ trình số 1632/TTr-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 43/BC-HĐND ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Người nộp phí: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh thực hiện thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Tổ chức thu phí:

a) Cơ quan cấp tỉnh: Sở Tài nguyên và Môi trường;

b) Cơ quan cấp huyện: Phòng Tài nguyên và Môi trường.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến kê khai, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh.

### **Điều 3. Mức thu phí thẩm định**

1. Mức thu phí thẩm định cấp giấy phép môi trường lần đầu:

a) Mức thu phí thẩm định đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc thẩm quyền cấp phép môi trường cấp tỉnh (trường hợp tổ chức khảo sát, kiểm tra thực tế): 14.000.000 đồng/giấy phép;

b) Mức thu phí thẩm định đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc thẩm quyền cấp phép môi trường cấp tỉnh (trường hợp không tổ chức khảo sát, kiểm tra thực tế): 10.600.000 đồng/giấy phép;

c) Mức thu phí thẩm định đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc thẩm quyền cấp phép môi trường cấp huyện (trường hợp tổ chức khảo sát, kiểm tra thực tế): 7.200.000 đồng/giấy phép;

d) Mức thu phí thẩm định đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc thẩm quyền cấp phép môi trường của cấp huyện (trường hợp không tổ chức khảo sát, kiểm tra thực tế): 5.300.000 đồng/giấy phép.

2. Mức thu phí thẩm định cấp lại giấy phép môi trường: Bằng 100% mức phí cấp lần đầu tương ứng.

3. Mức thu phí thẩm định cấp điều chỉnh giấy phép môi trường: Bằng 50% mức phí cấp lần đầu tương ứng.

4. Mức thu phí thẩm định cấp, cấp lại giấy phép môi trường đối với trường hợp Hội đồng thẩm định, Tổ thẩm định họp thẩm định lần đầu không thông qua: Bằng 50% mức phí thẩm định nộp lần đầu tương ứng.

5. Mức thu phí thẩm định nêu trên tính theo lần thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường. Mức thu phí không bao gồm chi phí lấy mẫu, phân tích chất thải theo quy định.

#### **Điều 4. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí**

1. Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh thu bằng đồng Việt Nam. Người nộp phí thực hiện nộp phí theo từng lần phát sinh.

2. Tổ chức thu phí được để lại 90% tổng số tiền phí thu được; phần còn lại 10% số phí thu được nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định. Tiền phí được để lại phải quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.

3. Các nội dung khác liên quan đến việc kê khai, thu, nộp, quản lý, sử dụng phí được thực hiện theo quy định Luật Phí và lệ phí năm 2015, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí, Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật liên quan viện dẫn tại Nghị quyết này được chỉnh sửa, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

#### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận khoá XI, kỳ họp 8 thông qua ngày 06 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 7 năm 2022./.

***Nơi nhận:***

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban công tác Đại biểu - UBTV Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh,  
Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Thuận;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: ĐĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Bình Thuận;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT. (CTHĐ.08) Duy

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hoài Anh**